

Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 1 năm 1999 và áp dụng với mọi trường hợp nhập khẩu từ các nước ASEAN có tờ khai hàng nhập khẩu nộp cho cơ quan hải quan từ ngày 01 tháng 1 năm 1999.

Đối với những trường hợp thuộc diện được hưởng các thuế suất ưu đãi CEPT theo hiệu lực thi hành của Nghị định số 14/1999/NĐ-CP ngày 23/3/1999 của Chính phủ, nhưng đã thu thuế theo thuế suất ưu đãi CEPT của năm 1998 (theo Nghị định số 15/1998/NĐ-CP ngày 15/3/1998) hoặc thuế suất của Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi hoặc thông thường hiện hành, cơ quan hải quan sẽ kiểm tra hồ sơ và thoả trả lại số tiền thuế chênh lệch trong trường hợp thuế suất đã áp dụng để tính thuế cao hơn thuế suất quy định tại Nghị định số 14/1999/NĐ-CP hoặc truy thu số tiền thuế chênh lệch trong trường hợp thuế suất đã áp dụng để tính thuế thấp hơn thuế suất quy định tại Nghị định số 14/1999/NĐ-CP đối với người nhập khẩu.

Thông tư này thay thế cho Thông tư số 95/1998/TT-BTC ngày 03/7/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 15/1998/NĐ-CP ngày 12/3/1998 ban hành Danh mục hàng hóa để thực hiện Hiệp định về Chương trình Ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) của các nước ASEAN cho năm 1998.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị, cơ quan phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để có hướng dẫn bổ sung cho phù hợp.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thủ trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG

THÔNG TƯ số 42/1999/TT-BTC ngày 20/4/1999 hướng dẫn việc thực hiện chế độ tài chính, kế toán, thuế đối với các cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế tại Việt Nam.

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Luật Thuế giá trị gia tăng;

Căn cứ Quyết định số 205/1998/QĐ-TTg ngày 19/10/1998 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế về Cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế;

Căn cứ Thông tư số 172/1998/TT-BTC ngày 22/12/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 54/CP ngày 28/8/1993, số 94/1998/NĐ-CP ngày 17/11/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Sau khi trao đổi ý kiến với Bộ Thương mại và Tổng cục Hải quan, Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện chế độ tài chính, kế toán, thuế đối với hình thức kinh doanh cửa hàng miễn thuế như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Thông tư này áp dụng đối với các cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế (sau đây gọi tắt là cửa hàng miễn thuế) được phép kinh doanh bán hàng cho khách xuất cảnh, nhập cảnh tại cảng biển, sân bay quốc tế, các cửa khẩu đường bộ, đường sắt, trong nội thành (Downtown Duty Free Shop); cửa hàng bán hàng cho các đối tượng ngoại giao thuộc Nghị định số 73/CP ngày 30/7/1994 của Chính phủ.

II. CHẾ ĐỘ NỘP, THU, MIỄN THUẾ

1. Thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa nhập khẩu để

bán phục vụ đối tượng được miễn thuế tại cửa hàng miễn thuế:

- Hàng hóa nhập khẩu để bán tại cửa hàng miễn thuế được miễn thuế nhập khẩu, miễn thuế tiêu thụ đặc biệt và thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

- Hàng hóa bán tại cửa hàng miễn thuế đều phải dán tem "VIETNAM DUTY NOT PAID" do doanh nghiệp in ấn phát hành theo mẫu do Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) duyệt và được quản lý theo chế độ quản lý ấn chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 529/QĐ ngày 22/12/1992 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Thủ tục hồ sơ miễn thuế gồm:

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế do Bộ Thương mại cấp (đối với cửa hàng của doanh nghiệp Việt Nam) hoặc giấy phép đầu tư do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp (đối với cửa hàng có vốn đầu tư nước ngoài);

- Công văn cho phép nhập khẩu của Bộ Thương mại hoặc cơ quan được Bộ Thương mại ủy quyền nếu:

- + Hàng là xì gà, thuốc lá điếu, hàng hóa thuộc diện xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện.

- + Hàng hóa nhập khẩu để kinh doanh tại cửa hàng miễn thuế có vốn đầu tư nước ngoài;

- Hợp đồng mua bán ngoại thương;

- Tờ khai hàng nhập khẩu (có xác nhận thực nhập của cơ quan hải quan cửa khẩu);

- Hợp đồng ủy thác nhập khẩu (nếu là hàng nhập khẩu ủy thác).

Căn cứ hồ sơ quy định trên, cơ quan hải quan cấp tỉnh, thành phố kiểm tra, ra quyết định miễn thuế, theo dõi và quyết toán cho số hàng đã bán theo đúng chế độ quy định.

2. Thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động kinh doanh của hàng miễn thuế thực hiện theo Luật Thuế thu nhập

doanh nghiệp; Luật Thuế giá trị gia tăng và các văn bản hướng dẫn dưới Luật của Chính phủ, của Bộ Tài chính, theo quy định hiện hành, cụ thể:

- Đối với doanh nghiệp Việt Nam không theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng là 32% (ba mươi hai phần trăm) trên thu nhập chịu thuế. Đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thì thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài thực hiện theo quy định tại giấy phép do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.

- Đối với cửa hàng bán hàng cho khách nhập cảnh được phép nhập khẩu các mặt hàng có đơn giá vượt quá tiêu chuẩn được miễn thuế thì khi nhập khẩu phải khai báo với cơ quan hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu để được tính và thu nộp đủ thuế phân giá trị vượt trước khi bán hàng. Cửa hàng bán hàng miễn thuế phải kê khai riêng phân giá trị hàng mà khách hàng phải nộp thuế để nộp các loại thuế theo quy định.

- Đối với hàng xin tái xuất, hàng xin đưa ra khỏi khu vực quản lý của cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế để tiêu thụ ở thị trường nội địa thì phải thực hiện các nghĩa vụ thuế theo đúng quy định và nếu hàng hóa thuộc danh mục hàng nhập khẩu có điều kiện thì phải được Bộ Thương mại cho phép.

3. Hàng hóa đã nhập khẩu, đang lưu thông hợp pháp trên thị trường Việt Nam và hàng sản xuất tại Việt Nam đưa vào bán tại các cửa hàng miễn thuế:

Hàng hóa được phép nhập khẩu đang lưu thông trên thị trường; hàng hóa sản xuất, gia công trong nước bán cho các cửa hàng miễn thuế để bán cho các đối tượng hưởng tiêu chuẩn miễn thuế được coi là hàng xuất khẩu. Các đơn vị phải nộp thuế xuất khẩu theo Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, được hoàn lại thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng theo đúng quy định của các Luật Thuế hiện hành đối với số hàng hóa hoặc nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất hàng hóa kể trên.

Thủ tục hoàn thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa nhập khẩu đang lưu thông hợp pháp trên thị trường Việt Nam, nguyên vật liệu sản xuất hàng hóa bán cho các cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Tài chính về hoàn thuế đối với nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu và hàng tạm nhập khẩu để tái xuất, riêng hợp đồng mua bán ngoại thương được thay thế bằng hợp đồng kinh tế mua bán hàng giữa đơn vị bán hàng với cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế và hóa đơn bán hàng hoặc hóa đơn giá trị gia tăng.

4. Đối với hàng hóa hư hỏng, kém chất lượng, đổ vỡ tại cửa hàng miễn thuế phải hủy bỏ dưới sự giám sát của Cục Hải quan tỉnh, thành phố, hải quan phụ trách trực tiếp của hàng và đại diện của hàng. Trên cơ sở biên bản hủy bỏ, Cục trưởng Cục Hải quan ra quyết định miễn thuế đối với số hàng đã hủy bỏ. Trường hợp hàng hóa hư hỏng, kém chất lượng... tại cửa hàng miễn thuế không hủy bỏ mà tái xuất ra nước ngoài thì Cục trưởng Cục Hải quan kiểm tra và ra quyết định không thu thuế đối với số hàng thực tái xuất.

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Các hoạt động của cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế được hạch toán theo chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyết định số 1141- TC/CDKT ngày 02/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung hiện hành.

IV. BÁO CÁO, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Trường hợp cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế bán không đúng đối tượng quy định hoặc tự ý tiêu thụ tại thị trường Việt Nam khi không được phép của các cơ quan chức năng thì trong mọi trường hợp đều coi là trốn lậu thuế, sẽ bị truy thu toàn bộ số thuế nhập khẩu, thuế tiêu

thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng (đối với nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng hóa đó), các loại thuế đã được miễn và xử phạt theo quy định tại Thông tư số 172/1998/TT-BTC ngày 22/12/1998 của Bộ Tài chính.

Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm tổ chức, kiểm tra tình hình thực hiện các chế độ bán hàng miễn thuế tại cửa hàng miễn thuế theo quy định của Thông tư này. Định kỳ hàng năm Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Thương mại, Tổng cục Hải quan và các ngành có liên quan tổ chức kiểm tra trọng điểm tại một số cửa hàng miễn thuế. Trong trường hợp cần thiết, Bộ Tài chính sẽ chủ trì để kiểm tra đột xuất.

Hàng quý, sau khi được cơ quan hải quan quyết toán thuế đối với số hàng đã tiêu thụ tại các cửa hàng miễn thuế phải có trách nhiệm gửi báo cáo tình hình kinh doanh tại cửa hàng miễn thuế về Bộ Tài chính, Bộ Thương mại, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Hải quan.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký. Các nội dung hướng dẫn trước đây trái với quy định tại Thông tư này không còn hiệu lực thi hành.

Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm hướng dẫn quy trình miễn thuế và quản lý đối với hàng hóa kinh doanh tại cửa hàng miễn thuế theo quy định tại Phần C, mục II, điểm 5 Thông tư số 172/1998/TT-BTC ngày 22/12/1998 của Bộ Tài chính và các quy định tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để kịp thời giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thủ trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG